

DẤU NGOẶC ĐƠN VÀ DẤU HAI CHẤM

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu rõ công dụng của dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm.
- Biết dùng dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm trong khi viết.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Dấu ngoặc đơn dùng để đánh dấu phần chú thích cho một từ ngữ, một vế trong câu hoặc cho một câu, chuỗi câu trong đoạn văn. Phần trong dấu ngoặc đơn có thể là một từ ngữ, một câu, một chuỗi câu, thậm chí là một con số hay một dấu câu khác (thường là dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than), nói chung là bất cứ điều gì mà người viết muốn chú thích. Nó có thể là một phần trong câu hoặc một phần trong đoạn văn. Nội dung của phần trong dấu ngoặc đơn được người viết coi là không thuộc phần nghĩa cơ bản của câu hay của đoạn văn. Về nguyên tắc, nếu bỏ phần trong dấu ngoặc đơn thì câu hay đoạn văn vẫn trọn nghĩa và chỉ mất đi phần thông tin kèm thêm. Vì vậy nó được gọi chung là phần chú thích.

Có thể phân biệt những trường hợp dùng dấu ngoặc đơn để chú thích như sau :

- Dấu ngoặc đơn đánh dấu phần giải thích thêm.
- Dấu ngoặc đơn đánh dấu phần thuyết minh thêm.

– Dấu ngoặc đơn đánh dấu phần bổ sung thêm.

GV cần lưu ý thêm HS trường hợp dùng dấu ngoặc đơn với dấu chấm hỏi (?) (để tỏ ý hoài nghi) và dấu ngoặc đơn với dấu chấm than (!) (để tỏ ý mỉa mai), ví dụ : *"Trong tất cả những cố gắng của các nhà khai hoá nhằm bồi dưỡng cho dân tộc Việt Nam và diu dắt họ lên con đường tiến bộ (?) thì phải kể việc bán rượu tí cường bực !"* (Nguyễn Ái Quốc). Đôi khi dấu ngoặc đơn dùng với cả dấu chấm hỏi và dấu chấm than để tỏ ý vừa hoài nghi vừa mỉa mai. Có thể coi đây là một biểu hiện đặc biệt của trường hợp dùng dấu ngoặc đơn đánh dấu phần bổ sung thêm.

2. Dấu hai chấm dùng để :

a) Đánh dấu (báo trước) phần giải thích, thuyết minh cho ý trước đó. Khác với phần trong dấu ngoặc đơn, phần này được người viết cho là thuộc nội dung nghĩa cơ bản của câu hay của đoạn văn. Trong phần lớn các trường hợp, nếu bỏ phần sau dấu hai chấm, câu hoặc đoạn văn không chỉ mất đi một phần nghĩa cơ bản, mà còn trở nên không hoàn chỉnh về nghĩa và bị coi là sai.

Dấu hai chấm đứng trước lời dẫn gián tiếp (thuyết minh) và chuỗi liệt kê (giải thích, thuyết minh bằng các vế có quan hệ đẳng lập về ngữ pháp và có tính liệt kê về ý nghĩa) cũng thuộc trường hợp này. Dấu hai chấm được dùng gần như bắt buộc sau từ *kính gửi* trong các văn bản hành chính sự vụ để chỉ "nơi nhận văn bản" trong trường hợp "nơi nhận" là nhiều tổ chức hay cá nhân.

b) Đánh dấu (báo trước) lời dẫn trực tiếp (dùng với dấu ngoặc kép) hay lời đối thoại (dùng với dấu gạch ngang).

Xét về thực chất thì đây cũng là phần thuyết minh cho ý đứng trước (như ở công dụng 1), nhưng phải được tách thành một trường hợp riêng vì tính chất đặc biệt của nó : thuyết minh bằng nguyên văn lời của người khác (đôi khi của chính người viết nhưng trong một thời điểm khác) và bắt buộc có dấu câu khác kèm theo (dấu ngoặc kép đối với lời dẫn trực tiếp và dấu gạch ngang đối với lời đối thoại).

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Tìm hiểu công dụng của dấu ngoặc đơn.

1. Cho HS quan sát các đoạn trích ở mục I (có thể chép các đoạn trích này lên bảng) và yêu cầu HS trả lời câu hỏi : Dấu ngoặc đơn trong những đoạn trích trên dùng để làm gì ?

Dùng để đánh dấu :

a) Phần giải thích để làm rõ *họ* ngụ ý chỉ ai (*những người bán xứ*). Phần này thường nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn phần được chú thích, nhưng nhiều khi có tác dụng nhấn mạnh.

b) Phần thuyết minh về một loài động vật mà tên của nó (*ba khía*) được dùng để gọi tên một con kênh, nhằm giúp người đọc hình dung rõ hơn đặc điểm của con kênh này.

c) Phần bổ sung thêm thông tin về năm sinh (701) và mất (762) của nhà thơ Lí Bạch và phần cho người đọc biết thêm Miên Châu thuộc tỉnh nào (*Tứ Xuyên*).

2. Nếu bỏ phần trong dấu ngoặc đơn thì nghĩa cơ bản của những đoạn trích có thay đổi không ?

Không, vì khi đặt một phần nào đó trong dấu ngoặc đơn thì người viết đã coi đó là phần chú thích, nhằm cung cấp thông tin kèm thêm, chứ nó không thuộc phần nghĩa cơ bản.

3. GV nói thêm về trường hợp dùng dấu ngoặc đơn được lưu ý ở mục II – *Những điều cần lưu ý*.

4. Sơ kết

GV yêu cầu một HS đọc to phần *Ghi nhớ* ở mục I.

Hoạt động 2. Tìm hiểu công dụng của dấu hai chấm.

1. Cho HS quan sát các đoạn trích ở mục II (có thể chép các đoạn trích này lên bảng) và yêu cầu HS trả lời câu hỏi : Dấu hai chấm trong những đoạn trích trên dùng để làm gì ?

Dùng để đánh dấu (báo trước) :

a) Lời đối thoại (của Đế Mèn nói với Đế Choắt và của Đế Choắt nói với Đế Mèn).

b) Lời dẫn trực tiếp (Thếp Mới dẫn lại lời của người xưa).

c) Phần giải thích lí do thay đổi tâm trạng của tác giả trong ngày đầu tiên đi học.

2. Sơ kết

GV yêu cầu một HS đọc to phần *Ghi nhớ* ở mục II.

Hoạt động 3. Hướng dẫn làm bài tập.

IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Bài tập 1. Giải thích công dụng của dấu ngoặc đơn.

a) Đánh dấu phần giải thích ý nghĩa của các cụm từ *tiệt nhiên, định phận tại thiên thư, hành khan thủ bại hư*.

b) Đánh dấu phần thuyết minh nhằm giúp người đọc hiểu rõ trong 2 290m chiều dài của cầu có tính cả phần cầu dẫn.

c) Dấu ngoặc đơn được dùng ở hai chỗ. Ở vị trí thứ nhất dấu ngoặc đơn đánh dấu phần bổ sung. Phần này có quan hệ lựa chọn với phần được chú thích (có phần này thì không có phần kia) : người tạo lập văn bản hoặc là người viết, hoặc là người nói. Cách dùng này của dấu ngoặc đơn thường gặp trong các đề thi như : *Anh (chị) hãy giải thích ý nghĩa câu tục ngữ "Thất bại là mẹ thành công."*

Ở vị trí thứ hai dấu ngoặc đơn đánh dấu phần thuyết minh để làm rõ những phương tiện ngôn ngữ ở đây là gì.

Bài tập 2. Giải thích công dụng của dấu hai chấm.

a) Đánh dấu (báo trước) phần giải thích cho ý : họ thách nặng quá.

b) Đánh dấu (báo trước) lời đối thoại (của Đế Choắt nói với Đế Mèn) và phần thuyết minh nội dung mà Đế Choắt khuyên Đế Mèn.

c) Đánh dấu (báo trước) phần thuyết minh cho ý : đủ màu là những màu nào.

Bài tập 3. Được. Nhưng nghĩa của phần đặt sau dấu hai chấm không được nhấn mạnh bằng.

Bài tập 4.

– Được. Khi thay như vậy nghĩa của câu cơ bản không thay đổi, nhưng người viết coi phần trong dấu ngoặc đơn chỉ có tác dụng kèm thêm chứ không thuộc phần nghĩa cơ bản của câu như khi phần này đặt sau dấu hai chấm.

– Nếu viết lại "*Phong Nha gồm : Động khô và Động nước.*" thì không thể thay dấu hai chấm bằng dấu ngoặc đơn, vì trong câu này vế "*Động khô và Động nước*" không thể coi là thuộc phần chú thích.

Lưu ý : Chỉ trong những trường hợp bỏ phần do dấu hai chấm đánh dấu mà phần còn lại vẫn có sự hoàn chỉnh về nghĩa thì dấu hai chấm mới có thể được thay bằng ngoặc đơn.

Bài tập 5. Sai, vì dấu ngoặc đơn (cũng như dấu ngoặc kép) bao giờ cũng được dùng thành cặp. GV yêu cầu HS sửa : đặt thêm một dấu ngoặc đơn.

Phần được đánh dấu bằng dấu ngoặc đơn không phải là bộ phận của câu. Bài tập này nhằm lưu ý HS phần chú thích có thể là bộ phận của câu, nhưng cũng có thể là một hoặc nhiều câu.

Bài tập 6. Bài tập sáng tạo.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Sđd.
- Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên) – Nguyễn Văn Hiệp, *Tiếng Việt thực hành*, Sđd.